

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều  
của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của  
UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong  
lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang tại văn bản số 133  
ngày 20 tháng 9 năm 2023 về việc đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường của cơ  
sở “Nhà máy Sợi 3 và Nhà máy sản xuất vải dệt kim” tại Km 1447 Quốc lộ 1A, xã  
Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
5.4./TTr-STNMT-CCBVMT ngày 29 tháng 01 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang, địa chỉ tại  
Km 1447 Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa  
được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy Sợi 3 và  
Nhà máy Sản xuất vải dệt kim” địa chỉ tại Km 1447 Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương,  
thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

- 1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sợi 3 và Nhà máy sản xuất vải dệt kim.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Km 1447 Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, thành phố  
Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký

doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 4200237973 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 08 tháng 08 năm 2006, thay đổi điều chỉnh lần thứ 9, ngày 15 tháng 4 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 4200237973

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất sợi, các sản phẩm từ sợi, sản xuất vải dệt kim.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích cơ sở: 43.908 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Sợi 5.500 tấn sản phẩm /năm; 3.600 tấn/năm vải dệt kim (tương đương 16.500.000 m<sup>2</sup>/năm).

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang :

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy

phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nha Trang, UBND xã Vĩnh Phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

2.6. Chậm nhất 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ cơ sở có trách nhiệm công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ cơ sở hoặc tại trụ sở UBND xã Vĩnh Phương.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký giấy phép (trường hợp không được gia hạn thời gian sử dụng đất, giấy phép này sẽ hết hiệu lực).

Giấy phép môi trường số 430/GPMT-UBND cấp ngày 28 tháng 02 năm 2023 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

*Nơi nhận: (VBĐT)*

- Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang ;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Nha Trang;
- UBND xã Vĩnh Phương;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP + TL.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Hòa Nam**

### Phụ lục 1

## NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...~~275~~.../GPMT-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

#### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của Nhà máy sợi 3.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt của Nhà máy sản xuất vải dệt kim.
- Nguồn số 3: Nước thải sản xuất của Nhà máy sản xuất vải dệt kim.
- Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt của Nhà máy sản xuất vải dệt kim 2.
- Nguồn số 5: Nước thải sản xuất của Nhà máy sản xuất vải dệt kim 2.
- Nguồn số 6: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 10 tấn hơi/giờ và lò dầu tải nhiệt 3 triệu Kcal/giờ.
- Nguồn số 7: Nước thải phát sinh từ các hạng mục công trình khác của Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang.
- Nguồn số 8: Nước thải phát sinh từ 4 công ty thuê lại đất, nhà xưởng Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang: Nhà máy may xuất khẩu Nha Trang của Công ty Cổ phần Quốc Tế Phong Phú (PPJ); Nhà máy dệt vải Denim Nha Trang của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phương; Khu Hệ thống lò hơi công suất 15 tấn hơi/giờ và lò dầu tải nhiệt công suất 6 triệu Kcal/giờ của Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Hải; Nhà máy may hàng dệt kim tại Nha Trang của Công ty TNHH Sinnika Việt Nam.

#### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước phía Tây cơ sở, thuộc thôn Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

##### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Thuộc thôn Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}15'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ): X= 1360946; Y=599089.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 4.950 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 13-MT:2015/BTNMT

(cột A,  $k_p=0,9$ ,  $k_f=1$ ) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1.	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2.	pH	-	6 - 9		
3.	Độ màu	(Pt-Co)	45		
4.	TSS	mg/l	45		
5.	COD	mg/l	67,5		
6.	BOD <sub>5</sub>	mg/l	27		-
7.	Xyanua	mg/l	0,063		
8.	Cr <sup>6+</sup>	mg/l	0,045		
9.	Clo dư	mg/l	0,9		
10.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	4,5		
11.	Amoni	mg/l	-	-	Đã lắp đặt

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1, 2, 4: thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 3, 5, 6, 7, 8: thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 4.950 m<sup>3</sup>/ngày đêm gồm 02 Module:

- Module xử lý nước thải công suất thiết kế: 2.950 m<sup>3</sup>/ngày đêm (đang hoạt động)

+ Quy trình công nghệ: Nước thải → Bể tiếp nhận → Hồ điều hòa → Thiết bị tách rác tinh → Bể trung hòa → Bể kỵ khí lai hợp → Bể bơm tuần hoàn → Bể Selector (bể trộn) → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Axit ( $H_2SO_4$ ) 98%, Ecoclean 105, Ecoclean 200T, Ecoclean M100, Phân Urê, Phân DAP, Polymer Anion, PAC, Chất khử màu, Clo, Polymer Cation2 (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

- Module xử lý nước thải công suất thiết kế: 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (dự kiến sẽ xây dựng từ tháng 5/2025 khi Module xử lý nước thải công suất 2.950 m<sup>3</sup>/ngày đêm hoạt động đạt 80% công suất thiết kế và vận hành thử nghiệm từ ngày 01/5/2026).

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể tiếp nhận → Hồ điều hòa → Thiết bị tách rác tinh → Bể trung hòa → Bể kỵ khí lai hợp → Bể bơm tuần hoàn → Bể Selector (bể trộn) → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Axit ( $H_2SO_4$ ) 98%, Ecoclean 105, Ecoclean 200T, Ecoclean M100, Phân Urê, Phân DAP, Polymer Anion, PAC, Chất khử màu, Clo, Polymer Cation (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: Đã lắp đặt 01 hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.
- Vị trí lắp đặt: Mương quan trắc của hệ thống xử lý nước thải.
- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), Nhiệt độ, pH, COD, TSS, Độ màu, Amoni.
- Thiết bị lấy mẫu tự động: Đã lắp đặt thiết bị lấy mẫu tự động.
- Camera theo dõi: Đã lắp đặt camera theo dõi cửa xả và nhà trạm.
- Kết nối, truyền dữ liệu: Đã thực hiện kết nối và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.
- Hàng ngày kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Trang bị một số thiết bị có nguy cơ bị mài mòn, thường xuyên hư hỏng do trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải để kịp thời thay thế khi phát hiện hư hỏng.

- Theo dõi quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị hằng tuần. Ghi lại các thiết bị cần sửa chữa hay dự phòng thay mới.

- Lập nhật ký theo dõi kiểm tra quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị, kịp thời sửa chữa hay dự phòng thay mới.

- Theo dõi thường xuyên số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục và thực hiện quan trắc định kỳ.

- Sử dụng hồ điều hòa có lót nhựa HPDE dày 1,5mm, thể tích 11.832 m<sup>3</sup> để ứng phó trong trường hợp xảy ra sự cố.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải đầu ra vượt giá trị giới hạn cho phép, Công ty sẽ ngừng hoạt động xả thải ra môi trường, nước thải sẽ được đưa về hồ điều hòa. Công ty giảm công suất hoạt động tại các dây chuyền hoạt động sản xuất để lượng nước thải phát sinh. Sau đó, tiến hành rà soát lại toàn bộ hệ thống xử lý nước thải để khắc phục sự cố, chỉ xả nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật ra môi trường.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 05 tháng, dự kiến từ ngày 01/5/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Module xử lý công suất thiết kế 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải trước xử lý tại hồ điều hòa và nước thải sau xử lý tại bể khử trùng.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Công ty tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận

hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...3.1.5.../GPMT-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

Khí thải phát sinh từ lò hơi 10 tấn/giờ và lò dầu tải nhiệt 3 triệu kcal/giờ.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

Khí thải phát sinh từ lò hơi 10 tấn/giờ và lò dầu tải nhiệt 3 triệu kcal/giờ sau khi thu gom xử lý được xả ra môi trường qua ống khói nằm trong khuôn viên Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang tại thôn Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Tọa độ vị trí xả khí thải: X=1360989; Y= 599172.

*(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiều 3<sup>0</sup>)*

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 44.000 m<sup>3</sup>/giờ.**

**2.2.1. Phương thức xả khí thải:** xả thải gián đoạn theo thời gian hoạt động hoạt động của lò hơi, lò dầu tải nhiệt.

**2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, K<sub>p</sub>=1,0, K<sub>v</sub>=0,8), cụ thể như sau:**

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1.	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	160	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2.	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	800		
3.	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	400		
4.	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	680		
5.	H <sub>2</sub> S	mg/Nm <sup>3</sup>	6		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi 10 tấn/giờ và lò dầu tải nhiệt 3 triệu kcal/giờ được thu gom theo đường ống về hệ thống xử lý khí thải trước khi xả ra môi trường (sử dụng chung ống khói).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò hơi 10 tấn/giờ và lò dầu tải nhiệt 3 triệu kcal/giờ có quy trình công nghệ giống nhau:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Cyclon lọc bụi → Quạt hút → Hệ phun sương → Bể thu bụi ướt → Ống khói.

- Công suất thiết kế: 22.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Theo dõi quá trình cấp nước lò hơi đảm bảo lượng nước đủ cho quá trình vận hành.

- Thường xuyên kiểm tra áp suất hơi trong quá trình vận hành, kiểm tra rò rỉ nước và hơi trên đường ống công nghệ.

- Kiểm tra, bảo dưỡng lò hơi, lò dầu tải nhiệt theo định kỳ.

- Kịp thời khắc phục các sai sót trong quá trình vận hành lò hơi, lò dầu tải nhiệt.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến tháng 10/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 10 tấn/giờ và lò dầu tải nhiệt 3 triệu kcal/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ

lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Công ty tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom xử lý bụi, khí thải.

3.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu theo Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3.75...../GPMT-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Khu vực nhà xưởng sợi 3.
- Nguồn số 2: Khu vực nhà xưởng nhuộm.
- Nguồn số 3: Khu vực nhà xưởng dệt kim.
- Nguồn số 4: Khu vực lò hơi 10 tấn/giờ và lò dầu tải nhiệt 3 triệu kcal/giờ.
- Nguồn số 5: Từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 6: Từ hoạt động của hệ thống xử lý nước sạch.
- Nguồn số 7: Từ hoạt động động của các phương tiện ô tô xe gắn máy ra vào bãi đỗ xe.
- Nguồn số 8: Hệ thống quạt thông gió, các điều hòa máy lạnh, máy phát điện dự phòng.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108<sup>o</sup>15', múi chiều 3<sup>o</sup>):**

- Nguồn số 1: Tọa độ: X = 1360566 ; Y = 599640.
- Nguồn số 2: Tọa độ: X = 1360537 ; Y = 599499.
- Nguồn số 3: Tọa độ: X = 1360580 ; Y = 599459.
- Nguồn số 4: Tọa độ: X = 1360522 ; Y = 599444.
- Nguồn số 5: Tọa độ: X = 1360422; Y = 599288.
- Nguồn số 6: Tọa độ: X = 1360368 ; Y = 599255.

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT, độ rung – QCVN 27:2010/BTNMT cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

## 3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2. Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ**  
**SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...375.../GPMT-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (Kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn (bao gồm: bông, băng, gạc...)	13 01 01	130
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	250
3	Nhớt thải	17 02 03	500
4	Bao bì giấy, nylon nhiễm hóa chất	18 01 01	400
5	Giẻ lau nhiễm hóa chất các loại, keo thải	18 02 01	120
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.400</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải tái sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu cho quá trình sản xuất tại cơ sở	50.000
2	Chất thải là bông/sợi phế các loại	200.000
3	Chất thải là vải vụn	100.000
4	Bùn thải	300.000
5	Tro, xỉ than	19.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>669.000</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải rắn sinh hoạt	Số lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	90
	<b>Tổng cộng</b>	<b>90</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chất thải nguy hại bằng nhựa PVC, mỗi thùng có dung tích khoảng 50 - 120 lít.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích: 252 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo: Tường gạch bao quanh, nền bê tông đảm bảo không bị thấm thấu, có mái lợp tôn chống nóng, có gờ chắn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có biển ghi chú và cảnh báo nguy hiểm. Có trang bị các thiết bị, dụng cụ và vật liệu phòng cháy, chữa cháy.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Kho lưu giữ bông phế và chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích: 486 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho khép kín, nền bê tông, mái lợp tôn chống nóng có biển báo.

2.2.2. Khu vực lưu giữ bùn thải:

- Diện tích: 250 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Khung sắt, nền bê tông, có mái che.

2.2.3. Kho lưu giữ tro, xỉ:

- Diện tích: 36 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo: Kho khép kín, nền bê tông, mái lợp tôn.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng chứa có dung tích 150 lít thu gom rác thải sinh hoạt trong phạm vi cơ sở.

2.3.2. Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích: 196 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo: nền bê tông, có mái che.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

**Phụ lục 5****YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 375...../GPMT-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

**A. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC CẤP****1. Các hạng mục công trình**

1.1. Hạng mục công trình: lò hơi 10 tấn/giờ và lò dầu tải nhiệt 3 triệu kcal/giờ.

1.2. Hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi 10 tấn/giờ và lò dầu tải nhiệt 3 triệu kcal/giờ.
- Kho lưu giữ tro, xỉ than lò hơi 10 tấn/giờ và lò dầu tải nhiệt 3 triệu kcal/giờ.

**2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường**

- Trong quá trình triển khai, phải thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động đến môi trường tại khu vực thực hiện và các công trình lân cận. Thực hiện công tác quản lý chất thải rắn phát sinh theo đúng quy định.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; chịu trách nhiệm khắc phục bồi thường thiệt hại về môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật.

**B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. /*an*